

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 169/2017/DS-ST

Ngày: 19/9/2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**.

Các hội thẩm nhân dân:

- 1. Ông Võ Văn Công**
- 2. Ông Trần Văn Lôi.**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 104/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Trần Trọng L, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Tạm trú: Khu phố N, Phường B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

- Nguyễn Hồng T, sinh năm 1951;

- Nguyễn Thị Kim S, sinh năm: 1959;

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử anh Trần Trọng L trình bày: Vào tháng 3 năm 2016, ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Kim S có mua vật liệu xây dựng của anh Trần Trọng L để cất nhà. Hai bên thỏa thuận miệng là 10 ngày sau khi anh L giao vật liệu xây dựng thì ông T và bà S phải đưa trước số tiền 10.000.000 đồng, phần còn lại thanh toán sau khi giao số hàng tiếp theo. Anh L đã giao vật liệu xây dựng cho ông T và bà S được 5-6 lần gồm: cát, đá, sắt, xi măng, gạch 4 lỗ với tổng cộng số tiền là 15.034.200 đồng. Khi giao hàng được hơn 10 ngày thì anh L có đến lấy tiền đưa trước như đã thỏa thuận nhưng ông T và bà S không trả tiền. Đến ngày 14/4/2016, ông T có ký giấy nhận nợ số tiền mua vật liệu xây dựng là 15.034.200 đồng. Từ ngày viết giấy nhận nợ cho đến nay anh L có đến nhà đòi tiền nhiều lần thì gặp được bà S 01 lần nhưng cũng không chịu trả tiền. Nên yêu cầu ông T và bà S trả số tiền 15.034.200 đồng nhưng do hoàn cảnh của ông T và bà S khó khăn nên đồng ý tặng cho ông T và bà S 2.034.200 đồng nên yêu cầu ông T và bà S trả số tiền là 13.000.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình xét xử bà Nguyễn Thị Kim S trình bày: có thỏa thuận mua vật liệu xây dựng của anh L để cất nhà như anh L trình bày. Hai bên có thỏa thuận là khi nào anh L giao hàng đến số tiền 15.000.000 đồng thì phải trả tiền rồi mới tiếp tục giao hàng. Trên thực tế anh L có giao vật liệu xây dựng với tổng số tiền là 15.034.200 đồng. Ngày 14/4/2016 chồng bà S là ông Nguyễn Hồng T có ký giấy nhận số tiền nợ mua vật liệu xây dựng là 15.034.200 đồng đến nay chưa trả. Đồng ý trả số tiền 13.000.000 đồng như anh L yêu cầu, nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Nguyễn Hồng T trình bày: Thông nhất như bà S trình bày, ông có ký vào giấy nhận nợ ngày 14/4/2016 với số tiền 15.034.200 đồng. Thông nhất cùng bà S trả số tiền 13.000.000 đồng cho anh L nhưng hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục thụ lý đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án, việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục hòa giải và phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trọng L. Tại phiên tòa ông T và bà S thừa nhận có mua vật liệu xây dựng và còn nợ số tiền 15.034.200 đồng, phù hợp lời trình bày của anh L và giấy nợ ngày 14/4/2016. Anh L tự nguyện tặng cho ông T và bà S số tiền 2.034.200 đồng. Ông T và bà S thống nhất trả anh L số tiền 13.000.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 430 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015, nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L.

[2] Về thời gian thực hiện, ông T và bà S trình bày hoàn cảnh khó khăn xin trả tiền hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền nợ là không phù hợp, vì kéo dài thời gian trả tiền, thiệt thòi quyền lợi hợp pháp của anh L. Bởi lẽ, trong quan hệ mua bán vật liệu xây dựng thì ông T và bà S đã được nhận hàng đến nay thời gian đã quá lâu nhưng chưa thanh toán trả tiền thì phải có nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận, nên cần buộc ông T và bà S phải trả số tiền cho anh L một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của anh L được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ, nên ông T và bà S phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 430, 440, 288, 357 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội và Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Trọng L.

Buộc ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Kim S phải liên đới trả anh Trần Trọng L số tiền 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị Kim S phải liên đới chịu tiền án phí sơ thẩm là 650.000 đồng.

Anh Trần Trọng L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 375.860 đồng theo biên lai thu số 41881 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND txGC
- Chi cục THA txGC
- Các đương sự

- Lưu: HS, AV

Trần Văn Dũng